TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 81/2022/HSST
Ngày 21/4/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội dồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Liên Sơn**
Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**
Bà **Phạm Thị Bích Hợp**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Thanh Thủy**- Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:*** Ông **Đỗ Minh Tuấn**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2022/HSST ngày 01/4/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/QĐXX -ST ngày 06/4/2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1973; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; HKTT: Tổ 8, ấp B, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú tại: thôn T, xã TD, huyện H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ tên bố: Nguyễn Văn N (đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị C (đã chết); Có chồng là Lương Biên C (đã chết); Có 02 con, con lớn sinh 2004, con nhỏ sinh 2012; Tiền án- Tiền sự: Không;

Bắt truy nã ngày 24/12/2021; Hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 31/12/2021, Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

Bị hại: Chị Nguyễn Thanh Đ (Sinh 1973; Trú tại: P11 B7 tập thể Mai Động, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội); Chị Nguyễn Thị Mỹ T(Sinh 1966; Trú tại: P33 gác 2, tập thể Mai Động, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội); (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 1997, Nguyễn Thị S làm giúp việc cho gia đình bà Ngô Thúy A (Địa chỉ: A3 gác 2, tập thể M, phường MĐ, quận H, Hà Nội). Quá trình giúp việc S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài. Khoảng 19 giờ ngày 19/4/1997, thấy tủ của bà A không khóa, trong nhà không có người. S đã mở tủ lấy 3.000.000đ(Ba triệu đồng); 500USD(Năm trăm Đô la Mỹ); 03 chiếc nhẫn vàng; 01 đôi hoa tai bằng vàng; 01 dầy chuyền vàng; 01 chiếc đồng hồ nữ không có nhãn hiệu và 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu SK màu xanh. Sau khi trộm cắp được tài sản, Sáu đi xe đạp ra khỏi nhà bà rồi vứt bỏ xe đạp lại vệ đường, bắt xe khách bỏ trốn vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02/5/1997, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng đã quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị S về hành vi 'Trộm cắp tài sản của công dân" theo quy định tại Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985; Quyết định truy nã số 126 ngày 02/5/1997 đối với Nguyễn Thị S.

Ngày 24/12/2021, Đội 8 phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hà Nội phát hiện, bắt giữ Nguyễn Thị S tại thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quyết định truy nã, bàn giao S cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng. Khi bắt giữ, Cơ quan Công an đã thu giữ của S 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám.

Quá trình điều tra xác minh về tỷ giá tài sản: Ngân hàng nhà nước Việt Nam cung cấp tỷ giá chính thức của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng cho ngày 19/4/1997 là 11.105VNĐ(Mười một nghìn một trăm linh năm đồng). Quy đổi 500USD Sáu trộm cắp của bà A có giá trị 5.552.000đ(Năm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã có yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản quận Hai Bà Trưng, yêu cầu định giá số tài sản không thu hồi được gồm: 02 chiếc nhẫn tròn, mỗi chiếc 02 chỉ vàng; 01 chiếc nhẫn mặt ngọc 02 chỉ vàng; 01 đôi hoa tai bằng vàng trọng lượng 01 chỉ vàng; 01 dầy chuyền vàng trọng lượng 1,2 cây vàng; 01 chiếc đồng hồ nữ không có nhãn hiệu; 01 xe đạp hiệu SK.

Do thông tin về tài sản không đầy đủ, không có hóa đơn chứng từ mua bán kèm theo. Tại nên Hội đồng định giá đã từ chối định giá

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐ ĐGTS ngày 11/02/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng đã từ chối định giá do thông tin về tài sản không đầy đủ, không có hóa đơn chứng từ mua bán kèm theo.

Tại cơ quan Công an, Nguyễn Thị S khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Số tài sản trộm cắp được, S đã bán lấy tiền chi tiêu cho bản thân. S không nhớ đã bán tài sản trộm cắp ở đâu, được bao nhiêu tiền.

Tại thời điểm bị mất tài sản, bà A khai giá trị tài sản bị S trộm cắp khoảng 20 triệu đồng. Bà A không có giấy tờ hóa đơn mua bán số tài sản bị trộm cắp. Năm 2017, bà A chết. Bà A có 02 người con đẻ là chị Nguyễn Thanh Đ và chị Nguyễn Mỹ T. Quá

trình điều tra, S đã bồi thường cho bị hại số tiền 40 triệu đồng. Chị Đ, chị T không yêu cầu bồi thường dân sự, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho S.

Tại Bản cáo trạng số 55/CT/VKS-HBT ngày 29/3/2022, VKSND quận Hai Bà Trưng đã truy tố Nguyễn Thị S về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng căn cứ lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa, cũng như trong quá trình điều tra; Căn cứ lời khai của người bị hại, người làm chứng; Căn cứ Kết luận định giá tài sản; căn cứ thời điểm phạm tội của Nguyễn Thị S, đã xác định bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội Trộm cắp tài sản của công dân theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985.

Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 155, điểm a, d, h khoản 1, khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985:

Xử phạt Nguyễn Thị S từ 06 đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân.

Về dân sự: bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự, nên không xem xét.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám.

Bị cáo công nhận nội dung bản cáo trạng, lời luận tội của Viện kiểm sát là đúng hành vi bị cáo thực hiện. Bị cáo xác nhận có tội, không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét hành vi của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa; Căn cứ lời khai của bị hại, người làm chứng; Bản kết luận định giá trong tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận: ngày 19/4/1997, tại gia đình bà Ngô Thúy A(Địa chỉ: A3 gác 2, tập thể M, phường MĐ, quận H, Hà Nội), Nguyễn Thị S đã

lợi dụng sơ hở và sự tin tưởng của gia đình bà A, mở tủ của bà A lấy các tài sản sau: 3.000.000đ(Ba triệu đồng); 500USD(Năm trăm Đô la Mỹ) tương đương 5.552.000VNĐ(Năm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng); 03 chiếc nhẫn vàng; 01 đôi hoa tai bằng vàng; 01 dây chuyền vàng; 01 chiếc đồng hồ nữ không có nhãn hiệu và 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu SK màu xanh(không xác định được giá trị số vàng, đồng hồ và xe đạp bị cáo trộm cắp).

Sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo đã bỏ trốn vào Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình bỏ trốn, S đã bán các tài sản trộm cắp và chi tiêu cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra Quyết định truy nã Nguyễn Thị S. Ngày 24/12/2021, Đội 8 phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hà Nội phát hiện, bắt giữ Nguyễn Thị S tại thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quyết định truy nã, bàn giao S cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị S là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực. Điều luật quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985 về tội Trộm cắp tài sản của công dân nhẹ hơn khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985 để xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản của công dân.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi bị bắt truy nã, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bồi thường toàn bộ giá trị tài sản cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, d, h khoản 1, khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Quyết định hình phạt: Xét thấy, bị cáo trộm cắp tài sản sau đó bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã bị cáo. Quá trình bỏ trốn, bị cáo biết rõ bị truy nã nhưng cũng không ra đầu thú mà tiếp tục trốn tránh cơ quan pháp luật. Vì vậy cần thiết phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung về loại tội phạm trộm cắp tài sản.

Biện pháp tư pháp: bị hại đã nhận tiền bồi thường giá trị tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự, nên không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám thu giữ của bị cáo: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xác định là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn do Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam phát hành, số thẻ: 09289633; số CIF: 0016662439; Tên khách hàng: Nguyễn Thị S. Xét thấy không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo tại phiên tòa.

Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ; khoản 1, mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 155; điểm a, d, h khoản 1, khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ; khoản 1, mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt Nguyễn Thị S **03**(Ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án(được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày bắt truy nã 24/12/2021 đến ngày 31/12/2021).

Hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Biện pháp tư pháp:

- Bị hại đã nhận tiền bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, có số Imei 3583660657288869, đã qua sử dụng(vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 06/4/2022).

- Trả lại cho bị cáo tại phiên tòa 01Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn do Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam phát hành, số thẻ: 09289633; số CIF: 0016662439; Tên khách hàng: Nguyễn Thị S(Bị cáo đã nhận tại phiên tòa).

*Về án phí***:** bị cáo Nguyễn Thị S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
-*VKSND Q. Hai Bà Trưng;*
- *THA Q. Hai Bà Trưng;*
- *Công an Q. Hai Bà Trưng;*
- *Bị cáo;Bị hại;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Liên Sơn